

Anh A thống nhất với lời trình bày của chị T về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh A thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng theo anh mâu thuẫn vợ chồng là không lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Đỗ Chí Thiện – sinh ngày 01/10/2013 và Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015 hiện đang ở với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015 và đồng ý giao Đỗ Chí Thiện – sinh ngày 01/10/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng và cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Anh A đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015, anh không cấp dưỡng nuôi con, cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với anh Đỗ Thanh A.

Về con chung: Giao các cháu Đỗ Chí Thiện – sinh ngày 01/10/2013 và Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có nên không xem xét.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Điệp Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Đỗ Thanh A. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, về việc ly hôn; Anh A có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 02/01/2013. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/7/2022. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị T và anh A có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, còn anh A mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như tạo sự tin tưởng đối với chị T. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh A.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung Đỗ Chí Thiện – sinh ngày 01/10/2013 và Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Thiện và cháu Thúy đã sống ổn định với chị T và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, tại phiên tòa anh A cũng thừa nhận việc trước đây anh không chung thủy, cờ bạc, bỏ bê gia đình là nguyên nhân chính dẫn đến ly hôn nên cần giao cháu Thiện và cháu Thúy cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh chị đều xác định không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh chị đều xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 27/7/2022 cũng xác định không nghe ai thừa kiện chị T và anh A về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điệp Mộng T về việc ly hôn với anh Đỗ Thanh A.

Về hôn nhân: Chị Điệp Mộng T được ly hôn với anh Đỗ Thanh A.

Về con chung: Giao các cháu Đỗ Chí Thiện – sinh ngày 01/10/2013 và Đỗ Thị Diễm Thúy – sinh ngày 18/6/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng. Ngày 04/7/2022 chị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015091 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Chị T và anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi